TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2019
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan T Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyễn

2. Bà Nguyễn Thị Thiểu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Lê văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Mai K, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố 3/179, N, thị trấn G, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Ô 2/178, khu phố T Bình C, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị K trình bày: chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 có đăng ký kết hôn năm 2003; trong quá trình sống chung đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ nhà đi thường xuyên mỗi lần về đòi tiền đánh đập chị vô cớ. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T; con chung có 02 người tên Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 20-11-1996 và Nguyễn Kim Tiền, sinh ngày 17-8-2003, cháu Đạt đã thành niên không yêu cầu giải quyết, cháu Tiền chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung vợ chồng đã thỏa thuận xong xin rút lại yêu cầu không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình lấy lời khai bị đơn anh T trình bày về ngày tháng năm chung sống, về con chung là đúng; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là chị K bán đất tiêu xài hết không nộp vào tài khoản dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Về con chung: cháu Tiền anh đồng ý để cho chị K tiếp tục nuôi. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Chị K và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn năm 2003, quá trình sống chung đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác; trong quá trình lấy lời khai anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị K và anh T ly hôn.

+ Về con chung: cháu Nguyễn Kim Tiền, sinh ngày 17-8-2003 chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh T cũng đồng ý, trong quá trình lấy lời khai cháu Tiền yêu cầu được sống chung với chị K. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tiền cho chị K tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Tài sản chung: chị K rút lại yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị K và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1995 đến năm 2003 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận hôn nhân hợp pháp; quá trình sống chung với nhau đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, nguyên nhân do anh T quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; trong quá trình lấy lời khai anh T cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị K và anh T ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị K và anh T xác định có 02 người gồm Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 20-11-1996 và Nguyễn Kim Tiền, sinh ngày 17-8-2003; chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tiền, anh T cũng đồng ý, trong quá trình lấy lời khai cháu Tiền yêu cầu được sống chung với chị K. Xét thấy chị K có đủ khả năng và diều kiện để nuôi con phát triển bình thường về mọi mặt. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao cháu Tiền cho chị K tiếp tục nuôi là có căn

cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu nên không giải quyết. Riêng cháu Đạt đã thành niên các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị K và anh T đã thỏa thuận xong, chị K rút lại yêu cầu. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị K về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về án phí: chị Võ Mai K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Mai K và anh Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Kim Tiền, sinh ngày 17-8-2003 cho chị Võ Mai K tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu giải quyết; anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Võ Mai K về việc yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về án phí: chị Võ Mai K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị K đã nộp 42.966.000 theo biên lai thu số 0009361 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho chị Võ Mai K 42.666.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Võ Mai K và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKý kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan T Tùng